

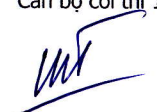



DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI


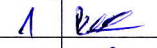
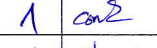
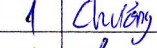
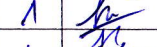
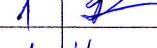
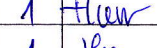
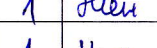
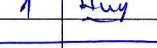
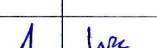
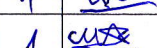
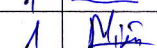
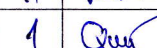

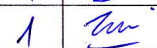
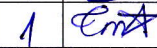
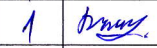
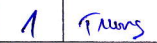
Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 01**

D: **Trần Danh Vũ (270011)**

Số SV có mặt: 18.....
Số bài thi: 18.....
Số tờ giấy thi: 18.....

Cán bộ coi thi 1  Trần Danh Vũ	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Tân Thiên	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Tấn Thích	G.Viên chấm thi 2  Trần Danh Vũ
---	---	--	--

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030020	NGUYỄN KHẮC AN	08/10/2003	CCQ2103A		1		8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030022	ĐỖ CHÍ BẢO	21/05/2003	CCQ2103A		1		7,6	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030005	HỒ LÊ CẢNH	10/12/2003	CCQ2103A		1		8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030068	LÊ ĐÌNH CHƯƠNG	06/05/2003	CCQ2103B		1		8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030108	ĐÀO NGỌC HẢI	23/01/2001	CCQ1903D		1		7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030168	NGUYỄN HOÀNG HẢI	12/12/2001	CCQ2103B		1		7,6	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030006	NGUYỄN NGỌC HIỀN	08/04/2003	CCQ2103A		1		7,6	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030025	NGUYỄN VĂN HIẾU	20/06/2003	CCQ2103A		1		7,6	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030021	NGÔ QUANG HUY	25/06/2003	CCQ2103A		1		8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030004	LÊ NGỌC LÂM	05/10/2003	CCQ2103A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030015	NGUYỄN HOÀNG LỰC	29/08/2003	CCQ2103A		1		8,0	8,5	8,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030034	VÕ VĂN MÃI	08/02/2003	CCQ2103A		1		7,6	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030001	CAO THÀNH NIÊN	25/03/2003	CCQ2103A		1		7,3	7,0	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030153	LÂM QUANG QUÝ	23/03/2003	CCQ2103B		1		8,3	8,0	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030070	NGUYỄN QUANG THỊNH	18/04/2003	CCQ2103B		1		8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2119030132	NGUYỄN THANH TOÀN	19/08/2000	CCQ1903D		1		7,3	8,0	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030096	NGUYỄN TUẤN TRUNG	22/11/2002	CCQ2103C		1		8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030008	NGUYỄN VĂN TRUNG	05/06/2003	CCQ2103A		1		7,6	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030069	PHAN QUỐC TRUNG	06/01/2003	CCQ2103B		1		8,3	8,5	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9





DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI



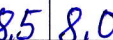





Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 02**

D: **Trần Danh Vũ (270011)**

Số SV có mặt: 18
Số bài thi: 18
Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1  Trần Danh Vũ	Cán bộ coi thi 2  Nguyễn Tấn Thích	G.Viên chấm thi 1  Nguyễn Tấn Thích	G.Viên chấm thi 2  Trần Danh Vũ
---	---	--	--

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030065	PHẠM HỒNG CHÍNH	05/02/2003	CCQ2103B		1		7,7	8,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030056	PHẠM NHẬT CÔNG DANH	04/08/2003	CCQ2103B		1	Danh	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030063	LÊ TUẤN ĐẠT	13/09/2003	CCQ2103B		1		8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030040	NGUYỄN TRUNG HIẾU	11/09/2002	CCQ2103B		1	Hiếu	8,0	7,0	7,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030060	NGUYỄN HỮU HƯNG	04/12/2003	CCQ2103B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030043	LÊ BẢO KIÊN	17/08/2003	CCQ2103B		1		7,3	8,5	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030054	PHAN KHẮC LINH	03/03/2003	CCQ2103B		1		8,0	8,5	8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030059	TRẦN VĂN LUẬN	03/01/2003	CCQ2103B		1	Luân	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030046	NGUYỄN THÀNH NGUYỄN	10/06/2003	CCQ2103B		1		8,7	8,5	8,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030047	PHẠM NGUYỄN HOÀNG NHÂN	30/06/2003	CCQ2103B		1	Nhân	7,7	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030038	NGUYỄN TẤN PHÁT	30/08/2003	CCQ2103B		1		8,0	8,0	8,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030044	NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG	01/02/2003	CCQ2103B		1	Phương	7,7	8,5	8,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030048	NGUYỄN VĂN SĨ	10/01/2003	CCQ2103B		1	Sĩ	8,0	7,5	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030045	LÊ VĂN SỸ	30/12/2003	CCQ2103B		1	Sỹ	7,3	6,5	6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030061	TRÀ MINH THIÊN	08/07/2003	CCQ2103B							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030036	MIẾU VĂN TRÊN	20/10/2001	CCQ2103B		1		7,7	7,8	7,7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030042	LƯƠNG BÁ TRỌNG	15/12/2003	CCQ2103B		1		7,7	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030041	LƯU NHỰT TRƯỜNG	03/05/2003	CCQ2103B		1	Trường	7,7	7,0	7,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030052	NGUYỄN THẾ VINH	30/04/2003	CCQ2103B		1	Vinh	7,7	7,5	7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030058	PHẠM PHƯỚC VINH	27/10/2003	CCQ2103B		1	Vinh	7,7	8,0	7,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9


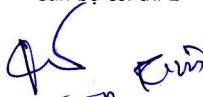
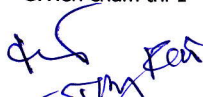
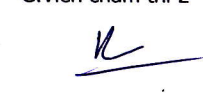
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

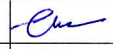
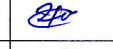
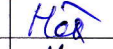
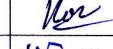
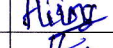
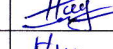
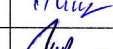
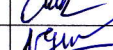

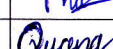
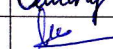
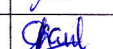
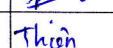
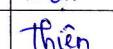
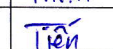
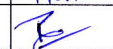



Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Thực tập ngoại (227145) - Nhóm 04**

D: **Nguyễn Tân Thích (270017)**

Số SV có mặt: 19
Số bài thi: 19
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tân Thích	Cán bộ coi thi 2  Trần Thị Thu	G.Viên chấm thi 1  Trần Thị Thu	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Tân Thích
---	---	--	--

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030111	TRẦN CÔNG BÌNH	02/07/2003	CCQ2103D							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030097	MAI TẤN CHIẾN	26/03/2003	CCQ2103C				69	71	70	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030123	NGUYỄN TRUNG HẢI	26/04/2003	CCQ2103D				77	73	75	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2121030147	NGUYỄN HÙNG HÒA	22/12/2003	CCQ2103C				58	62	60	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030166	LÊ SỸ HOÀNG	22/05/2001	CCQ2103D				58	45	50	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030093	TRƯƠNG HẢI HÙNG	16/04/2003	CCQ2103C				68	64	66	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
2121030108	NGUYỄN VĂN ĐỨC	15/07/2003	CCQ2103D				50	51	51	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030131	LÊ TRỌNG HỮU	06/08/2003	CCQ2103D				58	50	53	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2120270179	TRƯƠNG NHẬT NAM	28/05/2002	CCQ2003F				65	55	59	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9
2121030119	NGUYỄN QUANG NGUYỄN	30/03/2003	CCQ2103D				69	76	73	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2121030136	THÁI QUANG PHÚC	23/07/2003	CCQ2103D				75	68	71	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
2120030190	CHÂU TRẦN VINH QUANG	06/11/2000	CCQ2003F				66	62	63	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
2121030121	NGUYỄN VĂN SƠN	16/11/2003	CCQ2103D				53	72	64	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
2121030143	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	28/02/2003	CCQ2103D				65	73	70	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030132	CHÂU HOÀNG THIÊN	28/02/2003	CCQ2103D				63	74	70	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030150	NGUYỄN HỮU THIÊN	24/02/2003	CCQ2103D				68	72	70	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2121030146	VÕ MINH TIẾN	05/12/2001	CCQ2103C				60	73	68	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
2121030149	NGUYỄN HỮU TRÍ	24/02/2003	CCQ2103C				69	66	67	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
2121030130	ĐỖ THANH TUỆ	01/10/2003	CCQ2103D				82	61	69	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 9
2121030138	HUỖNH CÔNG VŨ	26/10/2003	CCQ2103D				71	57	62	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9





DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

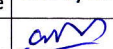
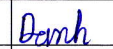
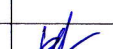

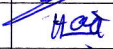
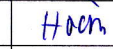
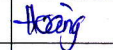

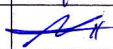

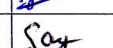
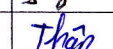
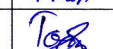
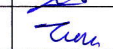
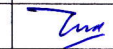

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

học: **Thực tập nguội (227145) - Nhóm 03**

D: **Nguyễn Tấn Thích (270017)**

Số SV có mặt: 16
Số bài thi: 16
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1  Nguyễn Tấn Thích	Cán bộ coi thi 2  Trần Thị Ngọc	G.Viên chấm thi 1  Trần Thị Ngọc	G.Viên chấm thi 2  Nguyễn Tấn Thích
---	--	---	--

Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
2121030089	CHẾ VIỆT CƯỜNG	10/11/2003	CCQ2103C				7.4	6.1	6.6	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
2121030077	NGUYỄN MINH CÔNG DANH	07/03/2003	CCQ2103C				5.1	5.9	5.6	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
2121030085	BÙI TRÚC DIỆP	05/11/2003	CCQ2103C							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030142	NGÔ TIẾN DŨNG	16/07/2003	CCQ2103C							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030105	HUỖNH BÁ ĐẠT	15/07/2003	CCQ2103C				5.2	5.1	5.1	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030102	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	24/03/2003	CCQ2103C				5.2	6.8	6.2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030103	NGÔ THANH HÒA	19/02/2003	CCQ2103C				6.3	6.0	6.1	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030104	TRẦN ĐÌNH HOÀN	20/04/2003	CCQ2103C				5.3	5.0	5.1	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030081	NGUYỄN THANH HOÀNG	19/08/2003	CCQ2103C				7.5	5.0	6.0	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030079	PHẠM TUẤN KIẾT	26/06/2003	CCQ2103C							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030141	TRƯƠNG ĐÌNH LẬP	06/10/2003	CCQ2103C				5.0	5.3	5.2	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030082	VŨ TIẾN LỰC	07/07/2003	CCQ2103C				8.0	8.0	8.0	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030086	NGUYỄN ANH NAM	28/02/2003	CCQ2103C							● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030080	PHẠM ANH PHÚC	18/09/2003	CCQ2103C				7.1	6.4	6.7	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
2121030095	HỒ GIANG SANG	29/12/2003	CCQ2103C				5.8	6.0	5.9	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨
2121030073	NGUYỄN CHÍ THÂN	04/04/2003	CCQ2103C				8.8	9.0	8.9	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨
2121030078	NGUYỄN QUỐC TOÀN	19/06/2003	CCQ2103C				6.0	7.5	6.9	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨
2121030084	HUỖNH NGỌC TUẤN	26/10/2003	CCQ2103C				6.1	5.2	5.5	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2121030090	LÊ XUÂN TÙNG	26/02/2003	CCQ2103C				7.3	6.7	6.9	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑨
2121030075	NGÔ TRIỀU VỸ	04/11/2003	CCQ2103C				8.6	5.9	6.2	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨